ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**ĐỀ ÁN**

**ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

**Ngành đào tạo: ....**

**Mã số: ....**

**Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC/THẠC SĨ/TIẾN SĨ**

**Đà Nẵng, tháng ... năm 20...**

**MỤC LỤC**

[I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO 3](#_Toc145272819)

[1.1 Giới thiệu về Trường Đại học Sư Phạm - Đại học Đà Nẵng 3](#_Toc145272820)

[1.2. Giới thiệu về Khoa (đăng ký mở ngành) 6](#_Toc145272821)

[II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 6](#_Toc145272822)

[2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ ...... chuyên ngành ... 6](#_Toc145272823)

[2.2. Sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo 6](#_Toc145272824)

[2.3. Sự phù hợp với xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước 6](#_Toc145272825)

[III. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 7](#_Toc145272826)

[3.1. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo 7](#_Toc145272827)

[3.2. Điều kiện về nghiên cứu khoa học 9](#_Toc145272828)

[3.3. về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo 10](#_Toc145272829)

[3.4. Điều kiện về chương trình đào tạo 12](#_Toc145272830)

[IV. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 13](#_Toc145272841)

V. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN 40

[PHỤ LỤC 13](#_Toc145272842)2

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Đà Nẵng, ngày tháng năm 20...* |

**ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

* Tên ngành/chuyên ngành đào tạo:
* Mã số:
* Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
* Trình độ đào tạo: Đại học/Thạc sĩ/Tiến sĩ

# I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

# 1.1 Giới thiệu về Trường Đại học Sư Phạm - Đại học Đà Nẵng

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (ĐHSP - ĐHĐN) được thành lập theo Nghị định 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ, trên cơ sở tổ chức và sắp xếp lại các đơn vị: Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam - Đà Nẵng, Cơ sở Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng, Bộ môn Cơ bản của Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Bộ môn văn hóa của Trường Công nhân Kĩ thuật Nguyễn Văn Trỗi. Là trường thành viên thuộc ĐHĐN, Trường có chức năng và nhiệm vụ: đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp, đào tạo cử nhân khoa học và đào tạo Sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên thuộc ĐHĐN; nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN) phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Trải qua hơn 45 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay Trường ĐHSP - ĐHĐN là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa cấp với cơ cấu 07 phòng, 13 khoa, 05 trung tâm và 01 Tổ trực thuộc. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường đã vinh dự được các cấp chính quyền, đoàn thể tại trung ương và địa phương trao tặng nhiều huân chương, cờ thi đua và bằng khen ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Năm 2016, Nhà trường được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.

Nhà trường đã xác định sứ mạng: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; NCKH, CGCN trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Triết lí giáo dục của Trường là: Toàn diện - Khai phóng - Sáng tạo - Thực nghiệp. Giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động. Đối với khoa học: sáng tạo và tự do học thuật; đối với công tác đào tạo: chất lượng hàng đầu; đối với công tác quản lí: chuẩn mực và khách quan; đối với giảng dạy: kiến tạo tri thức và định hướng khởi nghiệp; đối với người học: tôn trọng năng lực cá nhân và tinh thần tập thể; đối với đồng nghiệp: chân thành và đoàn kết; đối với cộng đồng: cống hiến và phục vụ.

***1.1.1. Đội ngũ giảng viên***

Tổng số cán bộ, viên chức của Trường tính đến .../20... là ... người, với cơ cấu trình độ: ... Phó Giáo sư, ... Tiến sĩ, ... Thạc sĩ, ... Đại học và ... trình độ khác; trong đó có ...cán bộ giảng dạy, ... giảng viên đang làm nghiên cứu sinh trong nước và quốc tế.

***1.1.2. Chương trình đào tạo và bồi dưỡng***

Nhà trường đang triển khai đào tạo ... ngành ở trình độ đại học, ... ngành và chuyên ngành trình độ Thạc sĩ, ... ngành trình độ Tiến sĩ và ... loại hình đào tạo chứng chỉ, chứng nhận. Trong ... ngành đào tạo trình độ đại học, có 19 ngành đào tạo giáo viên. Tất cả chương trình đào tạo (CTĐT), bồi dưỡng của các ngành/chuyên ngành, khóa bồi dưỡng kể trên đều đã được thẩm định, phê duyệt và ban hành. Đối với hệ vừa làm vừa học (VLVH), Nhà trường đang tổ chức đào tạo tại Trường cũng như liên kết với các Trung tâm giáo dục thường xuyên, các cơ sở đào tạo trong nước để tổ chức đào tạo các trình độ đại học, cao đẳng, đào tạo liên thông và bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng cán bộ quản lí giáo dục các cấp. Nhà trường có ...chương trình liên thông từ cao đẳng lên đại học, ... chuyên ngành tuyển sinh từ bậc trung học phổ thông và văn bằng hai đối với các ngành đào tạo đại học. Các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ, chứng nhận của Trường tập trung bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (NVSP), chức danh nghề nghiệp, cán bộ quản lí các cơ sở giáo dục phổ thông, ứng dụng công nghệ thông tin, tiếng Việt cho nước ngoài, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ hoặc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông... Các chương trình bồi dưỡng này bổ ích cho người học, đáp ứng yêu cầu của ngành giáo dục. CTĐT, bồi dưỡng được xây dựng phù hợp với quy định; luôn được cập nhật, rà soát định kì; đáp ứng và phù hợp nhu cầu của người học cũng như các cơ sở sử dụng lao động.

Năm học 20... – 20.., Trường có hơn .... sinh viên hệ chính quy bậc đại học, hơn ... học viên cao học, .. nghiên cứu sinh. Tổng số lưu học sinh nước ngoài đang theo học tại Trường là ..., trong đó lưu học sinh học dự bị tiếng Việt là .... Tính đến hết năm học 20.. – 20.., Trường đã đào tạo được hơn ... tiến sĩ và thạc sĩ.

***1.1.3. Tài liệu phục vụ đào tạo bồi dưỡng***

Trung tâm Học liệu và E - Learning của Trường có diện tích 955m2, được bố trí tại một khu vực độc lập, rộng rãi, yên tĩnh và thoáng mát; bao gồm hệ thống phòng đọc, phòng mượn, phòng nghiệp vụ thông tin thư mục và kho lưu trữ sách, tài liệu, báo chí riêng biệt. Trung tâm Học liệu có ... đầu sách, với số lượng ... cuốn trong đó số lượng số sách gắn với ngành đào tạo cấp bằng của Trường là ... cuốn, có 60 máy tính được nối mạng internet, có hệ thống phần mềm quản lí sách, giáo trình và tài liệu. Các khâu quản lí và nghiệp vụ đều được tin học hoá. Tài liệu được tra cứu bằng hệ thống máy tính nối mạng. Hệ thống các kho sách được chuyển thành kho mở, thủ tục mượn trả tài liệu được cảm ứng bằng quét mã vạch.

***1.1.4. Cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin***

Khuôn viên của Trường có tổng diện tích 4,67 ha, 31.132 m2 sàn xây dựng. Diện tích nơi làm việc: 2118 m2, nơi vui chơi giải trí: 6000 m2. Tổng diện tích phòng học: 19.526 m2, đạt 3,0 m2/1 SV bao gồm 107 phòng học, trong đó có 10 giảng đường có 5 sức chứa từ 100 - 150 chỗ, 01 giảng đường có sức chứa 600 chỗ, đều được trang bị đủ hệ thống thiết bị âm thanh, máy chiếu. Trường hiện có 34 phòng thực hành, thí nghiệm. Các phòng thí nghiệm được trang bị, nâng cấp hằng năm với nhiều thiết bị hiện đại đáp ứng được việc học tập, nghiên cứu của SV, học viên cao học, nghiên cứu sinh...; 09 phòng máy tính với hơn 500 máy tính xách tay; 04 phòng thực hành phương pháp dạy học gồm các thiết bị hiện đại như hệ thống bảng tương tác, máy chiếu lập thể, tăng âm, camera ghi hình bài giảng... Khuôn viên Kí túc xá dành cho SV và lưu học sinh nước ngoài đảm bảo diện tích phòng ở 4446 m2; có cảnh quan đẹp, rộng rãi, thoáng mát; đảm bảo tốt mọi sinh hoạt và đảm bảo an ninh. Nhà tập thể dục thể thao (TDTT), Nhà sinh hoạt đa năng đảm bảo tốt việc rèn luyện TDTT thường xuyên và phong trào cho cán bộ và SV toàn Trường. Về công nghệ thông tin, Trường đã trang bị và thiết lập hệ thống dạy học trực tuyến tiên tiến, có thể liên kết nội bộ trong 06 phòng học lớn có sức chứa hơn 1200 SV cùng học tập đồng thời có thể liên kết đến các trường Đại học trong và ngoài nước. Hệ thống máy chủ và mạng cáp quang nội bộ cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo cùng với các phần mềm quản lí hiện đại. Nhà trường đã xây dựng có hiệu quả và thường xuyên cập nhật website để giới thiệu và cung cấp đầy đủ các thông tin có liên quan về công tác quản lí, điều hành dạy học của Trường.

***1.1.5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

Hoạt động NCKH từng bước phát triển, đạt hiệu quả tốt. Nhiều công trình NCKH của Trường được ứng dụng vào thực tiễn giáo dục - đào tạo và đời sống sản xuất như đổi mới phương pháp giảng dạy (PPGD), CGCN nuôi cấy mô cây trồng giúp các địa phương trong khu vực nâng cao năng suất.

Hợp tác quốc tế (HTQT) không ngừng được phát triển theo đúng quy định của pháp luật và đã mang lại nhiều lợi ích cho Nhà trường.

Trường có quan hệ hợp tác đào tạo và nghiên cứu với nhiều cơ sở giáo dục và đào tạo trong nước và ở nước ngoài như: Nga, Pháp, Đức, Bỉ, Mỹ, Anh, Hà Lan, Úc, Canada, Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước ASEAN.Các dự ánchínhđã và đang được thực hiện ở Trường là:

- Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho thanh thiếu niên thành phố Đà Nẵng (WPF).

- Phương pháp Dosaho trong phục hồi chức năng tâm lý với Nhật Bản (Dohsa Psychological Rehabilitation method);

- Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục đại học (HEP2A);

- Chương trình phát triển các trường đại học sư phạm (ETEP);

- Dự án hợp tác về mạng lưới dạy và học theo phương pháp CDIO;

- Phát triển chương trình đào tạo trong lĩnh vực Khoa học Phân tử và Vật liệu theo định hướng nghiên cứu thuộc chương trình ERASMUS + KEY ACTION 2;

- Dự án Hợp tác Đổi mới Giáo dục đại học (PHER).

# 1.2. Giới thiệu về Khoa (đăng ký mở ngành)

# II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

# 2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ ....ngành dự kiến mở

# 2.2. Sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo

# 2.3. Sự phù hợp với xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước

***2.3.1. Phù hợp với xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới***

***.....***

***2.3.2.Phù hợp với chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước***

***.....***

Từ thực tế nêu trên, có thể thấy rằng việc xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo ... trình độ ... là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển trên thế giới, chiến lược phát triển kinh tế địa phương, khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Điều này sẽ góp phần đưa đội ngũ có trình độ và chất lượng cao vào tất cả các lĩnh vực liên quan đến (ngành dự kiến mở).... nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước.

# 

# III. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

# 3.1. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

Đội ngũ giảng viên đào tạo ngành ... trình độ ... có sự tham gia của các giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Sư phạm và một số trường thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng, bao gồm ... PGS.TS và ... TS chuyên ngành .... Ngoài ra, tham gia vào công tác đào tạo còn có các giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng ngoài Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN (Bảng 3.1).

**Bảng 3.1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên, ngày sinh** | **Số CMND, CCCD hoặc**  **Hộ chiếu;**  **Quốc tịch** | **Chức danh khoa học, năm phong** | **Trình độ, nước, năm tốt nghiệp** | **Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp** | **Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến** | | **Mã số bảo hiểm** | **Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)** | **Số công trình khoa học đã**  **công bố: cấp** | | **Ký tên** |
| **Tuyển dụng** | **Hợp đồng** | **Bộ** | **Cơ sở** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* |
| 1 | Phạm Quý Mười | 044080009995,  Việt nam | PGS, 2022 | Tiến sĩ, CHLB Đức, 2012 | Toán học | 2004 |  | 4808000506 | Thạc sĩ, 9 năm học | 2 | 1 |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:* Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

**Bảng 3.2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên** | **Học phần/môn học giảng dạy** | **Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)** | **Số tín chỉ** | | | | **Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiên chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/huớng dẫn luận văn, luận án** |
| **Bắt buộc** | | **Tự chọn** | |
| **Học trực tiếp** | **Học trực tuyến** | **Học trực tiếp** | **Học trực tuyến** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* |
| 1 | Nguyễn Văn A |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bảng 3.3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ ... của cơ sở đào tạo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại** | **Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp** | **Ngành/**  **Chuyên ngành** | **Ghi chú** |
| 1 | Nguyễn Văn A, 1980, Trưởng khoa | Tiến sĩ, 2012 |  |  |
| 2 | Nguyễn Văn B, 1979, Phó trưởng khoa | Tiến sĩ, 2013 |  |  |

# 3.2. Điều kiện về nghiên cứu khoa học

**Bảng 3.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số** | **Đề tài cấp**  **Bộ/đề tài cấp cơ sở** | **Tên đề tài** | **Chủ nhiệm đề tài** | **Số quyết định, ngày thành lập HĐKh nghiệm thu đề tài** | **Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)** | **Ket quả nghiệm thu, ngày** | **Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bảng 3.5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Công trình khoa học** | **Ghi chú** |
|  | Hoàng Nhật Quy (2023), "*A note on the weighted log canonical threshold of toric plurisubharmonic functions*", Ukrainian Mathematical Journal, Vol 75 No 2. pp. 328 – 334. |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| ... |  |  |

**Ghi chú:** Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách,* lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.

- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), ‘*Tên bài viết’, tên tập san,* số, kì/thời gian phát hành, số trang.

- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu,* đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.

- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), ‘Tiêu đề bài viết'*, [trong] tên kỷ yếu,* địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

# 3.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

**Bảng 3.6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục** | **Số lượng** | **Diện tích sàn xây dựng**  **(m2)** | **Học phần /môn học** | **Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)** | **Ghi chú** |
| 1 | Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu | 105 | 16.268 |  |  |  |
| 1.1 | Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ | 2 | 1.818 |  |  |  |
| 1.2 | Phòng học từ 100 - 200 chỗ | 11 | 4.263 |  |  |  |
| 1.3 | Phòng học từ 50 - 100 chỗ | 51 | 7839 |  |  |  |
| 1.4 | Số phòng học dưới 50 chỗ | 37 | 2028 |  |  |  |
| 1.5 | Số phòng học đa phương tiện | 1 | 80 |  |  |  |
| 1.6 | Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian | 3 | 240 |  |  |  |
| 2 | Thư viện, trung tâm học liệu | 1 | 1330 |  |  |  |
| 3 | Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập | 44 | 8622 |  |  |  |

**Mẫu 7: Thư viện**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)** | **Tên tác giả** | **Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước** | **Số lượng bản** | **Tên học phần sử dụng sách, tạp chí** | **Mã học phần/môn học** | **Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)** | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* |
| 1 | Introduction to Applied Mathematics | Lawrence Sirovic | Spinger, 2013 | 1 | Toán học ứng dụng | 311366014 | Năm thứ 1 |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

# 3.4. Điều kiện về chương trình đào tạo

# 3.4.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

## a) Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

***\* Mục tiêu chung***

***\* Mục tiêu cụ thể***

* **PO1:**
* **PO2:**
* PO3: b) Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Người học tốt nghiệp CTĐT ngành ... tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra Bậc ... theo Khung trình độ quốc gia Việt nam có khả năng:

* **PLO1:**
* PI1.1:
* PI2.2:
* ...
* **PLO2:**
* PI2.1:
* PI2.2:
* ...
* **....**

**3.4.2. Cấu trúc khung chương trình đào tạo**

Cấu trúc CTĐT được chia thành ... khối kiến thức: .....; trong đó có các học phần bắt buộc, học phần tự chọn (bắt buộc), học phần tự chọn (tự do) với số tín chỉ trong mỗi khối được đưa ra trong Bảng 4.1.

**Bảng 4.1. Các khối kiến thức và số tín chỉ**

| **STT** | **Khối kiến thức** | **Số**  **tín**  **chỉ** | **Số tín chỉ** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** | |
| Bắt buộc | Tự do |
| **I** | **Kiến thức chung** |  |  |  |  |
| 1 | **...** |  |  |  |  |
| **II** | **Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành** |  |  |  |  |
| 1 | Kiến thức bắt buộc |  |  |  |  |
| 2 | Kiến thức tự chọn |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |

### a) Khung chương trình đào tạo

(*Chèn* *Khung CTĐT đã được Hiệu trưởng ký ban hành theo Quyết định số ...../QĐ-ĐHSP ngày ...tháng...năm...của ngành đăng ký mở)*

## 3.4.3. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

**a) Tiêu chí tuyển sinh**

**b) Điều kiện tốt nghiệp**

**3.4.4. Dự kiến tuyển sinh**

- Phương thức tuyển sinh:

- Chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo trong 5 hoặc 10 năm đầu:

- Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN.

# IV. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

**V. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

Căn cứ nội dung đã trình bày trong đề án, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng kính đề nghị Đại học Đà Nẵng xem xét và phê duyệt đề án đăng ký mở ngành ... trình độ .... Sau khi đề án được phê duyệt, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng cam kết sẽ thực hiện công tác tuyển sinh, đào tạo người học đúng theo quy định của Nhà trường, Đại học Đà Nẵng và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **HIỆU TRƯỞNG** |